



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm – thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhut	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thủy	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Thành viên
Ông Lương Công Gia	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Nhut	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Diệu Hương	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của Công ty.

6. **Ý kiến của Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2013



NGUYỄN VĂN NHỰT



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.192/BCKT-DTL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2013



TÀNG QUỐC THẮNG
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0075-2013-028-1

KIỂM TOÁN VIÊN

DIỆC LỆ BÌNH
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 1714-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.342.726.205	97.842.516.642
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.025.212.108	690.832.145
1. Tiền	111	5.1	1.025.212.108	690.832.145
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	60.944.996.939	56.217.120.692
1. Phải thu khách hàng	131		22.426.936.363	19.602.205.548
2. Trả trước cho người bán	132		10.393.665.856	8.624.656.920
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		35.377.066.157	35.042.929.661
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.252.671.437)	(7.252.671.437)
IV. Hàng tồn kho	140		21.805.005.000	30.958.924.388
1. Hàng tồn kho	141	5.3	24.838.951.599	33.992.870.987
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.033.946.599)	(3.033.946.599)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.567.512.158	9.975.639.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.320.000	70.320.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.401.041.743	3.830.626.848
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	371.273.415	371.273.415
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	4.724.877.000	5.703.419.154

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		66.936.315.378	64.936.306.373
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.105.345.921	36.764.038.921
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	13.659.048.805	14.258.261.805
+ Nguyên giá	222		39.141.749.867	39.141.749.867
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.482.701.062)	(24.883.488.062)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	22.446.297.116	22.505.777.116
+ Nguyên giá	228		23.788.180.116	23.788.180.116
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.341.883.000)	(1.282.403.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.000.000.000	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.830.969.457	4.172.267.452
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	6.7	6.830.969.457	4.172.267.452
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		159.279.041.583	162.778.823.015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.752.336.902	86.275.012.320
I. Nợ ngắn hạn	310		90.703.440.902	86.102.950.320
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	43.704.927.657	67.756.069.073
2. Phải trả người bán	312	5.10	11.247.121.551	9.755.151.362
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	26.449.103.163	3.049.869.260
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	1.810.114.516	2.535.252.558
5. Phải trả người lao động	315	5.12	82.486.339	603.117.851
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	7.409.687.674	2.403.490.216
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		48.896.000	173.062.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	48.896.000	173.062.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.526.704.681	76.502.810.695
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	68.526.704.681	76.502.810.695
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.230.710.000	80.230.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.854.848	1.608.854.848
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(13.312.860.167)	(5.336.754.153)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		159.279.041.583	162.778.823.015

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 05 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		1.267,05	1.695,34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN

THỦY HẢI SẢN

VIỆT NHẬT

NGUYỄN VĂN NHỰT

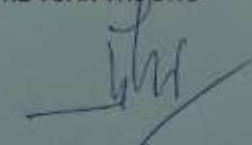
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	MÃ số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		16.295.501.573	47.982.904.310
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.295.501.573	47.982.904.310
4. Giá vốn hàng bán	11		21.590.864.565	38.545.961.832
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.295.362.992)	9.436.942.478
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	15.783.188	15.221.957
7. Chi phí tài chính	22	6.2	3.395.326.457	3.578.813.502
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.178.358.059	3.465.129.466
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	708.564.236	1.987.148.083
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	1.117.831.237	2.322.526.839
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.501.301.734)	1.563.676.011
11. Thu nhập khác	31		-	74.779.342
12. Chi phí khác	32	6.5	133.506.285	98.774.511
13. Lợi nhuận khác	40		(133.506.285)	(23.995.169)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.634.808.019)	1.539.680.842
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	315.348.450
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.7	(2.658.702.005)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.976.106.014)	1.224.332.392
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		(994,15)	152,60

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2013



NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ cổ ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		43.740.235.407	35.392.297.710
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(13.807.343.440)	(36.677.062.267)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.722.020.613)	(6.002.071.765)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.178.358.059)	(3.465.129.466)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(815.544)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.744.798.900	24.823.786.761
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.283.408.004)	(19.060.122.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.493.904.191	(4.989.117.352)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		-	(63.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.783.188	15.221.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.783.188	(48.078.043)

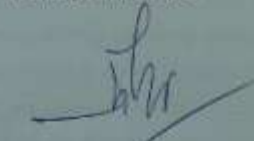
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		27.298.048.808	101.316.602.749
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.471.356.224)	(95.429.454.858)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		(24.175.307.416)	5.887.147.891
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		334.379.963	849.952.496
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		690.832.145	802.558.994
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.025.212.108	1.652.511.490

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2013



NGUYỄN VĂN NHỰT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Thủy Hải Sản Việt Nhật (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006673 ngày 10 tháng 05 năm 2007, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 03 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại C34/1 Đường số 2G, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Tp.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 86.800.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán hàng hoá nông – lâm - thủy - hải sản và thực phẩm chế biến;
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hoá;
- Sản xuất mua bán bao bì (không in, tái chế phế thải tại trụ sở).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không nắm hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm đo chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 08 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	10 năm
+ Tài sản cố định vô hình	46 năm

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

• Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

• Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

• Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 08 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(phần tiếp theo ở trang 15)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	938.910.311	629.513.128
Tiền gửi ngân hàng	66.301.797	61.319.017
Tổng cộng	1.025.212.108	690.832.145

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	22.426.936.363	19.802.205.548
Trả trước cho người bán	10.393.665.856	8.624.656.920
Các khoản phải thu khác	35.377.066.157	35.042.929.661
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	68.197.668.376	63.469.792.129
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.252.671.437)	(7.252.671.437)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	60.944.996.939	56.217.120.692

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Trong đó:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7	1.842.348.737	1.842.348.737
Trả trước cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7	259.715.618	391.730.884
Cộng	2.102.064.355	2.234.079.621

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu công nhân	35.281.262	14.153.077
Phải thu tiền cho CB CNV vay	274.745.379	265.745.379
Tạm cho nhà cung cấp mượn tiền	7.153.342.530	6.153.342.530
Hàng bao bì, vật tư xuất cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7	7.472.593.043	6.371.492.112
Phải thu hàng thủy sản gửi cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công – xem thêm mục 7	4.933.746.850	7.269.448.574
Phải thu Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật tạm cho mượn vốn kinh doanh – xem thêm mục 7	15.507.357.093	14.968.747.989
Cộng	35.377.066.157	35.042.929.661

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	667.915.080	5.117.333.439
Công cụ, dụng cụ	77.167.400	83.374.529
Thành phẩm	24.093.869.119	28.792.163.019
Cộng giá gốc hàng tồn kho	24.838.951.599	33.992.870.987
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.033.946.599)	(3.033.946.599)
Giá trị thuần có thể thực hiện	21.805.005.000	30.958.924.388

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho được đúng để thế chấp cho các khoản nợ vay trong kỳ – xem thêm mục 5.9

5.4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Là thuế nhập khẩu được hoàn lại

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng tiền cho nhân viên mua nguyên vật liệu.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	16.081.325.283	17.150.791.536	5.909.633.048	39.141.749.867
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.081.325.283	17.150.791.536	5.909.633.048	39.141.749.867
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.263.967.659	16.500.124.403	2.119.396.000	24.883.488.062
Khấu hao trong kỳ	203.268.000	100.745.000	295.200.000	599.213.000
Số dư cuối kỳ	6.467.235.659	16.600.869.403	2.414.596.000	25.482.701.062
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	9.817.357.624	650.667.133	3.790.237.048	14.258.261.805
Tại ngày cuối kỳ	9.614.089.624	549.922.133	3.495.037.048	13.659.048.805

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 2.337.363.966 đồng – Xem thêm mục 5.9 và mục 5.14

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.779.245.062 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	23.762.580.116	25.600.000	23.788.180.116
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	23.762.580.116	25.600.000	23.788.180.116
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.256.803.000	25.600.000	1.282.403.000
Khấu hao trong kỳ	59.480.000	-	59.480.000
Số dư cuối kỳ	1.316.283.000	25.600.000	1.341.883.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	22.505.777.116	-	22.505.777.116
Tại ngày cuối kỳ	22.446.297.116	-	22.446.297.116

Giá trị còn lại của tài sản dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng là 11.007.297.116 đồng – xem thêm mục 5.9

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.600.000 đồng.

5.8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật với tỷ lệ vốn góp 48%.

5.9. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Vietinbank	-	18.087.977.699
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Nhà Rộng	3.794.486.937	8.192.731.974
Ngân hàng Hàng Hải - Maritime Bank	7.888.500.000	8.368.042.000
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam – CN Quận 5	11.990.940.720	11.949.317.400
Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Eximbank	20.031.000.000	21.138.000.000
Tổng cộng	43.704.927.657	67.756.069.073

Các khoản vay ngân hàng, chịu lãi suất 12%/năm đối với VND; và 6,5%/năm đối với khoản vay USD; thời hạn vay tối đa là 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng xuất khẩu thủy sản.

Các khoản vay này được bảo đảm bằng: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển có giá trị 15 tỷ đồng tại kho số C41/1 đường số 2G, KCN Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM đồng - xem thêm mục 5.3; tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.199.582.781 đồng – xem thêm mục 5.6; tài sản vô hình có giá trị còn lại là 11.007.297.116 đồng – xem thêm mục 5.7; bộ chứng từ xuất khẩu, L/C xuất khẩu và các khoản phải thu từ các hợp đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Thủy Hải Sản Việt Nhật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	11.247.121.551	9.755.151.362
Người mua trả tiền trước	26.449.103.163	3.049.869.260
Tổng cộng	37.696.224.714	12.805.020.622

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.698.033.905	2.434.792.044
Thuế thu nhập cá nhân	112.080.613	100.460.514
Tổng cộng	1.810.114.518	2.535.252.558

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương kỳ 2 tháng 06 năm 2013 còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên Công ty.

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	60.912.799	63.612.799
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	2.132.315.844	1.482.211.935
Phải trả phí gia công cá ngừ cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật – xem thêm mục 7.	5.187.911.031	857.665.482
Khác	28.548.000	-
Tổng cộng	7.409.687.674	2.403.490.216

5.14. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 36 tháng với lãi suất 14%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota Fortuner 7 chỗ và xe ô tô Toyota Innova 8 chỗ, có giá trị còn lại là 1.137.781.185 đồng – xem thêm mục 5.6.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.230.710.000	1.608.854.848	7.278.057.432	89.117.622.280
Lợi nhuận trong năm	-	-	(12.516.802.355)	(12.516.802.355)
Trích lập quỹ	-	-	(98.009.230)	(98.009.230)
Số dư đầu năm nay	80.230.710.000	1.608.854.848	(5.336.754.153)	76.502.810.695
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(7.976.106.014)	(7.976.106.014)
Số dư cuối kỳ này	80.230.710.000	1.608.854.848	(13.312.860.167)	68.526.704.681

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của cổ đông sáng lập	50.718.490.000	50.718.490.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.512.220.000	29.512.220.000
Tổng cộng	80.230.710.000	80.230.710.000

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, số vốn thực tế góp bằng 92,4% vốn điều lệ đã đăng ký.

5.15.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.680.000	8.680.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	8.023.071	8.023.071
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.023.071	8.023.071
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi (lỗ) sau thuế của Công ty	(7.976.106.014)	1.224.332.392
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.023.071	8.023.071
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	(994,15)	152,60

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng

6.2. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	3.178.358.059	3.465.129.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	216.968.398	113.684.036
Tổng cộng	3.395.326.457	3.578.813.502

6.3. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí vận chuyển hàng	364.793.386	1.232.853.493
Phí hải quan	228.201.193	501.094.856
Phí ngân hàng	92.572.391	156.359.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.875.266	50.933.293
Chi phí bằng tiền khác	4.122.000	45.906.840
Tổng cộng	708.564.236	1.987.148.083

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.008.627.945	2.001.787.618
Chi phí vật liệu quản lý	27.438.139	36.134.853
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.275.000	24.852.964
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.866.739	119.666.818
Chi phí bằng tiền khác	51.623.414	138.084.586
Tổng cộng	1.117.831.237	2.322.526.839

6.5. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Phạt chậm trả lãi vay	37.412.055	40.916.047
Phạt chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	96.094.230	20.332.217
Chi phí khác	-	37.526.247
Tổng cộng	133.506.285	98.774.511

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.189.994.339	38.428.858.743
Chi phí nhân công	1.244.724.019	3.003.549.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	658.693.000	1.004.421.231
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.507.494.351	2.756.109.532
Chi phí khác bằng tiền	118.060.429	580.798.261
Tổng cộng	18.718.966.138	45.773.736.791

6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Công ty được trình bày như sau:

	Chuyển lỗ
Số dư đầu kỳ này	(4.172.267.452)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh kỳ này	(2.658.702.005)
Số dư cuối kỳ	(6.830.969.457)

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	30.015.761.341	30.843.768.296
Phải trả - Xem thêm mục 5.13	5.187.911.031	857.665.482

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền cho Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật tạm mượn vốn kinh doanh	6.283.408.004	22.476.768.410
Hàng thủy sản gửi Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật gia công	7.195.269.445	22.648.044.516
Hàng gia công nhận về từ Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật	8.429.870.238	20.656.771.252
Phải trả Công ty TNHH Đồ Hộp Phú Nhật phí gia công hàng thủy sản	4.330.245.549	7.804.702.828

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị	49.000.000	57.200.000
Lương Tổng Giám đốc	97.062.000	108.000.000
Tổng cộng	146.062.000	165.200.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.025.212.108	890.832.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.516.049.821	47.578.310.695
Tổng cộng	51.541.261.929	48.269.142.840
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	43.753.823.657	67.929.131.073
Phải trả người bán và phải trả khác	16.435.032.582	10.612.816.844
Tổng cộng	60.188.856.239	78.541.947.917

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

• Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

• Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Công nợ		Tài sản	
30/06/2013	01/01/2013	30/06/2013	01/01/2013
686.082,97 USD	570.960,97 USD	1.267,05 USD	1.695,34 USD

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

• Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất nắm rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

• **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	16.435.032.582	-	16.435.032.582
Các khoản vay	43.704.927.657	48.896.000	43.753.823.657

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	10.612.816.844	-	10.612.816.844
Các khoản vay	67.756.069.073	173.062.000	67.929.131.073

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.516.049.821	-	50.516.049.821

01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.578.310.695	-	47.578.310.695

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

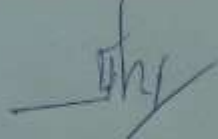
Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 07 năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN CÔNG THƠ



NGUYỄN VĂN NHỰT

